

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24-3-2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Vũ

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Như Muội - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2026/QĐ-TA ngày 04/3/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Chúc L, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp R, xã V, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt);

- *Bị đơn:* Ông Hà Văn G, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp R, xã V, tỉnh An Giang (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/7/2025 nguyên đơn bà Huỳnh Chúc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông G trên cơ sở yêu thương có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng ý kiến, tình cảm trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông G.

Về con chung: Vợ chồng có 04 người con chung gồm: Hà Thanh D, giới tính nam, sinh ngày 14/11/2004; Hà Thị Mỹ Á, giới tính nữ, sinh ngày 29/02/2008; Hà Đoàn D1, giới tính nam, sinh ngày 29/10/2009 và Hà Nhật T, giới tính nam, sinh ngày 26/12/2021. Đối với Hà Thanh D đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Bà L yêu cầu được nuôi 03 con chung là Mỹ Á, Đoàn D1, N, không yêu cầu ông G phải cấp dưỡng nuôi con, các con chung hiện đang chung sống với bà L.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho để ông G trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà L cũng như tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng ông G không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, bị đơn ông G vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Chúc L đối với ông Hà Văn G. Về con chung: Vợ chồng có 04 người con chung gồm: Hà Thanh D, giới tính nam, sinh ngày 14/11/2004; Hà Thị Mỹ Á, giới tính nữ, sinh ngày 29/02/2008; Hà Đoàn D1, giới tính nam, sinh ngày 29/10/2009 và Hà Nhật T, giới tính nam, sinh ngày 26/12/2021. Bà L xác định Hà Thanh D đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Đối với Hà Thị Mỹ Á, giới tính nữ, sinh ngày 29/02/2008; Hà Đoàn D1, giới tính nam, sinh ngày 29/10/2009 và Hà Nhật T, giới tính nam, sinh ngày 26/12/2021 hiện đang sống với bà L, nguyện vọng của cháu Mỹ Á và Đoàn D1 đều muốn chung sống với mẹ ruột là bà L nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Hà Thị Mỹ Á, giới tính nữ, sinh ngày 29/02/2008; Hà Đoàn D1, giới tính nam, sinh ngày 29/10/2009 và Hà Nhật T, giới tính nam, sinh ngày 26/12/2021 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, ông G không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn bà L có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà L.

Bị đơn ông G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông G.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Bà L xin ly hôn với ông G, yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, bị đơn có nơi cư trú tại ấp R, xã V, tỉnh An Giang nên căn cứ Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang giải quyết.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà L và ông G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (nay là UBND xã V, tỉnh An Giang) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của bà L và ông G là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng ý kiến, vợ chồng đã sống ly thân với nhau, trong thời gian ly thân mỗi người sống mỗi nơi, không ai tới lui thăm nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà L và ông G đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận cho bà Huỳnh Chúc L được ly hôn với ông Hà Văn G.

[4] *Về con chung:*

Có 04 người con chung gồm Hà Thanh D, giới tính nam, sinh ngày 14/11/2004; Hà Thị Mỹ Á, giới tính nữ, sinh ngày 29/02/2008; Hà Đoàn D1, giới tính nam, sinh ngày 29/10/2009 và Hà Nhật T, giới tính nam, sinh ngày 26/12/2021.

Bà L xác định Hà Thanh D đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Đối với Hà Thị Mỹ Á, giới tính nữ, sinh ngày 29/02/2008; Hà Đoàn D1, giới tính nam, sinh ngày 29/10/2009 và Hà Nhật T, giới tính nam, sinh ngày 26/12/2021 bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi 03 người con chung, không yêu cầu ông G phải cấp dưỡng nuôi con, các con chung hiện đang chung sống với bà L cuộc sống vẫn đảm bảo, nguyện vọng của cháu Mỹ Á và Đoàn D1 đều muốn

chung sống với mẹ ruột là bà L. Vì vậy, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử giao cháu Hà Thị Mỹ Á, giới tính nữ, sinh ngày 29/02/2008; Hà Đoàn D1, giới tính nam, sinh ngày 29/10/2009 và Hà Nhật T, giới tính nam, sinh ngày 26/12/2021 cho bà Huỳnh Chúc L trực tiếp nuôi dưỡng, ông G không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu, ông có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Bà L là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Chúc L được ly hôn với ông Hà Văn G.

2- Về quan hệ con chung:

Con chung Hà Thanh D, giới tính nam, sinh ngày 14/11/2004 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Giao cháu Hà Thị Mỹ Á, giới tính nữ, sinh ngày 29/02/2008; Hà Đoàn D1, giới tính nam, sinh ngày 29/10/2009 và Hà Nhật T, giới tính nam, sinh ngày 26/12/2021 cho bà Huỳnh Chúc L trực tiếp nuôi dưỡng, ông G không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu, ông có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Huỳnh Chúc L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng

theo biên lai thu số 0008781 ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, bà L đã nộp đủ án phí.

4- Nguyên đơn bà L, bị đơn ông G vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Khu vực 6- An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 6- An Giang;
- UBND xã Vĩnh Thuận (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng